

Ben: Hi. This is Ben West. Sorry I(không thể nhắc máy). Please (để lại tin nhắn).

Lily: Hi Ben. It's me. Lily. Hope you're OK. I've.....(đã đặt vé máy bay) and hotel. I'm coming on Sunday the(mùng 2 tháng 5)- I couldn't get a flight on the first. I'm flying from Gatwick with Easyjet and I'm(hạ cánh) at Budapest airport at 14.40. I'm going back on(ngày mùng 8, thứ 7) leaving at 16.35. I'm staying at a(căn phòng để thương cổ điển), quite a famous one I think. It's called the Hotel Gellert or Jellert - I'm not sure how you(phát âm) it, but it's..... I'm sure you know it. I'll call you on Sunday night when I get there. See you soon - I'm really looking forward(gặp lại) you again.

Ben: Chào. Đây là Ben West. Xin lỗi, tôi không thể nhận cuộc gọi của bạn. Vui lòng(Leave a message).

Lily: Chào Ben. Tôi đây,Lily. Hi vọng bạn ổn. Tôi đã đặt chuyến bay và(hotel). Tôi sẽ đến vào.....(chủ nhật), ngày 2 tháng 5. Tôi không thể đặt được chuyến bay (on the first) Tôi bay từ Gatwick bằng Easyjet và đến sân bay Budapest lúc 14 giờ 40. Tôi sẽ về vào thứ Bảy, ngày 8, rồi đi lúc 16h35. Tôi đang ở tại một.....(lovely old hotel), một khách sạn khá nổi tiếng mà tôi nghĩ vậy. Nó được gọi là Hotel Gellert hoặc Jellert - Tôi không chắc bạn phát âm nó như thế nào, nhưng đó là G-E-L- L-E-R-T. Tôi chắc rằng bạn biết điều đó. Tôi sẽ(call you on) tối Chủ nhật khi tôi đến đó. Hẹn gặp lại các bạn - Tôi rất mong được gặp lại các bạn.